

BỘ TIÊU CHÍ

**Bộ tiêu chí đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số
trong giáo dục đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên**

(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-THHHA ngày 24/9/2024
của Hiệu trưởng trường Tiểu học Hải Hòa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng đánh giá, xếp hạng

Bộ tiêu chí này đánh giá, xếp hạng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS) trong hoạt động của trường tiểu học Hải Hòa áp dụng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường (Chi tiết tại Phụ lục 1).

Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp hạng

1. Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Nâng cao vai trò, trách nhiệm; đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT và CDS góp phần đẩy nhanh tiến trình cải cách hành chính, chuyển đổi số trong nhà trường.

2. Giúp Ban giám hiệu, Ban chỉ đạo CNTT và CDS nhà trường theo dõi, phát hiện chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý và công tác dạy - học.

3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong ứng dụng CNTT và CDS nhằm tạo tiền đề cho việc xây dựng các tập thể điển hình, cá nhân tiêu biểu trong việc ứng dụng CNTT và CDS, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT và CDS cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tổ chức định kỳ hàng năm.

2. Các cán bộ, giáo viên, nhân viên tiến hành thu thập và cung cấp thông tin theo mẫu Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

3. Công tác đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS được thực hiện dựa trên số liệu tổng hợp từ các mẫu phiếu đánh giá của từng tổ chuyên môn; đồng thời đối chiếu với kết quả thực tế từ các đợt kiểm tra và theo dõi tình hình ứng dụng

CNTT và CDS trong hoạt động của các cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường hàng năm. Ban chỉ đạo chuyển đổi số của nhà trường sẽ tiến hành thẩm định, đánh giá và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nội dung, tiêu chí đánh giá

Nội dung đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường theo các nhóm tiêu chí dựa trên các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động của trường học (*Chi tiết tại Phụ lục 2*)

Điều 5. Phương pháp đánh giá

1. Các cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường tự đánh giá kết quả ứng dụng CNTT và CDS theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí và gửi về Ban chỉ đạo UDCNTT và chuyển đổi số của nhà trường.

2. Ban chỉ đạo UDCNTT và chuyển đổi số của nhà trường thẩm định, tổng hợp kết quả đánh giá của các cán bộ, giáo viên, nhân viên, báo cáo BGH ban hành kết quả đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS trong năm.

3. Cách tính điểm xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS được thực hiện dựa trên các nhóm tiêu chí của Bộ tiêu chí, điểm của mỗi nhóm là tổng điểm của các tiêu chí thành phần, tổng điểm của các nhóm tiêu chí là tổng điểm để xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Điều 6. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường: Tháng 5 hàng năm (số liệu báo cáo từ ngày 01 tháng 8 năm trước đến ngày 31 tháng 5 năm đánh giá).

Điều 7. Cách đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT và CDS

1. Đánh giá kết quả ứng dụng CNTT và CDS được chia ra 4 mức độ là Tốt, Khá, Trung bình và Yếu, trong đó:

Mức độ Tốt: Là cán bộ, giáo viên, nhân viên có tỷ lệ tổng điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 85% so với tổng mức điểm tối đa.

Mức độ Khá: Là cán bộ, giáo viên, nhân viên có tỷ lệ tổng điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 70% và nhỏ hơn 85% so với tổng mức điểm tối đa.

Mức độ Trung bình: Là cán bộ, giáo viên, nhân viên có tỷ lệ tổng điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 50% và nhỏ hơn 70% so với tổng mức điểm tối đa.

Mức độ Yếu: Là cán bộ, giáo viên, nhân viên có tỷ lệ tổng điểm đánh giá nhỏ hơn 50% so với tổng mức điểm tối đa.

2. Xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường theo cách tính: Xếp hạng theo thứ tự tổng điểm đạt từ cao xuống thấp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo thực hiện UDCNTT, chuyển đổi số

1. Chủ trì, phối hợp với các tập thể, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường định kỳ hàng năm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện.

2. Tham mưu Ban giám hiệu sửa đổi, bổ sung tiêu chí đánh giá về ứng dụng CNTT và CDS phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu của công tác giáo dục trong từng giai đoạn phát triển của nhà trường, nâng cao hiệu quả quản lý và ứng dụng CNTT trong dạy và học của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Điều 9. Trách nhiệm của Tổ chuyên môn

1. Thực hiện cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu và tài liệu kiểm chứng về ứng dụng CNTT và CDS của cơ quan theo Bộ tiêu chí này.

2. Tạo điều kiện để Ban chỉ đạo UDCNTT và CDS trong nhà trường thực hiện việc thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo.

3. Chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, xếp loại mức độ ứng dụng CNTT và CDS trong nhà trường.

4. Gửi báo cáo tự đánh giá kết quả ứng dụng CNTT và CDS đúng thời hạn (trước 31/5 hàng năm)

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các tổ chuyên môn và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Ban chỉ đạo UDCNTT và CDS trong nhà trường để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo nhà trường xem xét, sửa đổi, bổ sung tiêu chí cho phù hợp với điều kiện tình hình thực tế./.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Yên

Phụ lục 1
Danh sách cán bộ, giáo viên đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS
trong hoạt động của cán bộ, giáo viên trong trường Tiểu học Hải Hòa
(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-THHHOA ngày 24/9/2024
của Hiệu trưởng trường Tiểu học Hải Hòa)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Thị Yên	Hiệu trưởng	
2	Phan Thanh Quang	Phó Hiệu trưởng	
3	Vũ Thị Xuyên	Giáo viên	
4	Đinh Thị Thuỷ	Giáo viên	
5	Đỗ Nhật Thành	Giáo viên	
6	Trần Thị Hồng Thương	Giáo viên	
7	Trần Thị Tú	Giáo viên	
8	Phạm Thị Nhẫn	GV-TP tổ 1	
9	Nguyễn Thị Minh	Giáo viên	
10	Hoàng Thị Thuỳ	Nhân viên thư viện	
11	Nguyễn Thị Hằng	GV-TP tổ 2+3	
12	Vũ Thị Nguyệt	GV-TT tổ 1	
13	Nguyễn Xuân Du	GV-TT tổ 4+5 CTCD	
14	Nguyễn Xuân Lịch	Giáo viên	
15	Phan Thị Thắm	Giáo viên	
16	Trần Thị Ánh	Giáo viên	
17	Mai Thị Thu Hằng	Giáo viên	
18	Trần Thị Ngọc Châm	Giáo viên	
19	Nguyễn Văn Cường	Giáo viên	
20	Vũ Thị Ngọc Dung	Giáo viên	
21	Nguyễn Thị Hiền	GV-TT tổ 2+3	
22	Phạm Thị Liên	Giáo viên	
23	Đỗ Thị Lý	Giáo viên	
24	Phạm Thị Huệ	Giáo viên	
25	Bùi Thị Oanh	Giáo viên	
26	Trần Thị Mai	Giáo viên	
27	Lại Thị Hà	Nhân viên Y tế	

28	Nguyễn Thị Nhâm	Nhân viên Kế Toán	
29	Bùi Thị Thúy Quỳnh	Giáo viên	
30	Phạm Thị Mai Hương	Giáo viên	
31	Trần Thị Tâm Đan	GV-TP tổ 4+5	
32	Trần Thị Thu Trang	Giáo viên	
33	Nguyễn Thị Thảo	Giáo viên	

Phụ lục 2
Bộ tiêu chí đánh giá, xếp hạng ứng dụng CNTT và CDS trong hoạt động
của của cán bộ, giáo viên trong trường Tiểu học Hải Hòa
(Kèm theo Quyết định số 128/QĐ-THHHOA ngày 24/9/2024
của Hiệu trưởng trường Tiểu học Hải Hòa)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Hướng dẫn, ghi chú, minh chứng
	UDCNTT và Chuyển đổi số trong dạy học	100	Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1): Tổng điểm dưới 50 Mức đáp ứng cơ bản (Mức độ 2): Tổng điểm từ 50 đến 75 Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3): Tổng điểm trên 75
1	<i>Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:</i>	40	- Có ứng dụng sử dụng phần mềm phần mềm dạy học trực tuyến (tên phần mềm, đường liên kết, vai trò, nhiệm vụ của từng thành viên sử dụng) - Có hồ sơ về thiết kế bài dạy được phê duyệt. - Thông tin minh chứng việc tham gia học tập trực tuyến của học sinh trên cổng thông tin của đơn vị. - Báo cáo kết quả thực hiện và nhật ký hệ thống với từng chức năng.
1.1	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS))	8	
1.2	(1) Có thực hiện chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học	8	
1.3	(2) Có thực hiện chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	8	
1.4	(3) Có thực hiện chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	8	
1.5	(4) Có thực hiện chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	8	
2	<i>Số hóa các học liệu</i>	10	- Số lượng học liệu được tính là số học liệu được tạo mới trong năm học. - Học liệu số cần được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt. - Học liệu số được quản lý, lưu trữ bằng các phần mềm hoặc dự phòng trong thiết bị nhớ của đơn vị hoặc trên môi trường mạng. Thực hiện chia sẻ các học liệu phục vụ nội bộ nhà trường. - Tạo lập và thường xuyên cập nhật danh mục học liệu số kèm theo đường liên kết truy cập đến học liệu theo kế hoạch giáo dục của đơn vị. - Danh mục học liệu số đã tạo trong năm học có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị. Danh mục học liệu gồm: STT, Tên học liệu, Tên tác giả, Môn, Bài, Link liên kết, ghi chú...). Đường liên kết đến học liệu số phải đảm bảo tồn tại ít nhất đến thời điểm cơ quan quản lý giáo dục các cấp công bố kết quả đánh giá

			mức độ chuyển đổi số của đơn vị hàng năm.
3	<i>Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập</i>	30	Thực hiện quy chế/kế hoạch/văn bản triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên máy tính. Các đề kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được lưu ở thiết bị nhớ ngoài dự phòng của đơn vị. Bảo cáo, thống kê được số lượng các bài thi, kiểm tra, đánh giá tổ chức trên phòng máy; nhật ký sử dụng phòng máy tính.
3.1	Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	20	
3.2	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	10	
4	<i>Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số</i>	20	- Có tham gia các khoá bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn sử dụng hiệu quả ứng dụng CNTT. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn của đơn vị. - Xây dựng các tiêu chí đánh giá việc ứng dụng CNTT đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên.
4.1	Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7	- Có Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, kết quả bồi dưỡng trên hệ thống. - Tên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến được sử dụng - Tên phần mềm và công cụ các giáo viên có thể sử dụng được - Danh sách bài giảng/học liệu số giáo viên đã xây dựng - 100% cán bộ quản lý biết sử dụng, khai thác dữ liệu từ các phần mềm, hệ thống CNTT của đơn vị đang triển khai để phục vụ công tác quản lý, điều hành như: phần mềm quản lý nhà trường, CSDL ngành, quản lý văn bản điện tử, Công thông tin điện tử...
4.2	Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	7	
4.3	Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	6	